|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT BÌNH TÂN  **TRƯỜNG THCS TÂN THÀNH**    **ĐỀ THAM KHẢO** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2021 – 2022**  **MÔN: Sinh Học** **7 – TRẮC NGHIỆM**  Thời gian làm bài: 45 phút  *(không kể thời gian phát đề)* |

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM: (10 điểm)**

***Học sinh chọn chữ cái A, B, C hoặc D tương ứng với câu trả lời đúng:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**1. Thức ăn của giun đất là gì?**

A. Động vật nhỏ trong đất. B. Vụn thực vật và mùn đất.

C. Chất dinh dưỡng trong ruột của vật chủ. D. Rễ cây.

**2. Đặc điểm nhận dạng đơn giản nhất của các đại diện ngành Giun đốt là**

A. hô hấp qua mang. B. hệ thần kinh và giác quan kém phát triển.

C. di chuyển bằng chi bên. D. cơ thể thuôn dài và phân đốt.

3**. Trùng roi có màu xanh lá cây nhờ**

A. Sắc tố ở màng cơ thể B. Màu sắc của điểm mắt

C. Sự trong suốt của màng cơ thể D. Màu sắc của hạt diệp lục

**4. Hình thức dinh dưỡng của trùng roi xanh**

A. Tự dưỡng và kí sinh B. Dị dưỡng và kí sinh

C. Tự dưỡng và dị dưỡng D. Kí sinh

**5. Động vật và thực vật giống nhau ở điểm nào?**

A. Có hệ thần kinh và giác quan. B. Lớn lên và sinh sản

C. Có khả năng di chuyển D. Cả a, b và c đúng

**6.**  **Động vật nào có lợi đối với con người**

A. Ruồi B. Muỗi C. Bọ D. Mèo

**7.  Các loài Ruột khoang đều có dinh dưỡng gì?**

A. Tự dưỡng B. Dị dưỡng C. Tự dưỡng và dị dưỡng D. Kí sinh

8. **Ruột khoang tự vệ và tấn công bằng**

A. Tế bào gai B. Chân giả C. Tế bào thần kinh D. Tế bào sinh sản

**9. Cơ thể của động vật nguyên sinh có đặc điểm chung là**

A. Có kích thước hiển vi, chỉ là một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

B. Có kích thước hiển vi, đa bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

C. Có kích thước hiển vi, chỉ là một hoặc hai tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

D. Có kích thước hiển vi, đơn bào hoặc đa bào đơn giản nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

**10.  Môi trường sống của thủy tức là**

A. Trên cạn B. Nước ngọt C. Nước mặn D. Nước lợ

**11.** **Trùng roi di chuyển được nhờ**

A. Hạt diệp lục B. Không bào co bó C. Roi D. Điểm mắt

**12.**  **Trùng sốt rét di chuyển bằng cơ quan nào**

A. Bằng chân giả B. Bằng lông bơi

C. Bằng roi bơi D. Không có cơ quan di chuyển

**13. Giun đũa chui được qua ống mật nhờ đặc điểm nào sau đây?**

A. Cơ dọc kém phát triển. B. Không có cơ vòng.

C. Giác bám tiêu giảm. D. Đầu nhọn.

**14. Tập hợp nào sau đây gồm các đại diện của ngành Giun tròn?**

A. Đỉa, giun đất. B. Giun kim, giun đũa. C. Giun đỏ, vắt. D. Lươn, sá sùng.

**15.** **Ngành ruột khoang có khoảng bao nhiêu loài**

A. 5 nghìn loài B. 10 nghìn loài C. 15 nghìn loài D. 20 nghìn loài

**16.** **Nhóm nào dưới đây gồm toàn những giun dẹp có cơ quan sinh dục lưỡng tính ?**

A. Sán lông, sán lá máu, sán lá gan, sán bã trầu.

B. Sán lông, sán dây, sán lá máu, sán bã trầu.

C. Sán lông, sán dây, sán lá gan, sán bã trầu.

D. Sán lông, sán dây, sán lá gan, sán lá máu.

**17.** **Giun đũa xâm nhập vào cơ thể người chủ yếu thông qua đường nào?**

A. Đường máu. B. Đường hô hấp.

C. Đường bài tiết nước tiểu. D. Đường tiêu hoá.

**18.** **Trùng roi khác thực vật ở những điểm nào?**

A. Có khả năng di chuyển B. Có diệp lục

C. Tự dưỡng D. Có cấu tạo tế bào

**19. Cơ thể động vật nguyên sinh nào có hình dạng luôn thay đổi?**

A. Trùng roi B. Trùng giày C. Trùng biến hình D. Trùng sốt rét.

**20.** **Loài ruột khoang nào không có khả năng di chuyển**

A. Thủy tức B. Sứa C. San hô D. Cả b, c đúng

**21. Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển**

A. San hô B. Hải quỳ C. Thủy tức D. Sứa

**22.** **Trùng giày lấy thức ăn nhờ**

A. Chân giả B. Lỗ thoát C. Lông bơi D. Không bào co bóp

**23.**  **Hình thức dinh dưỡng của trùng kiết lị là**

A. Kí sinh B. Tự dưỡng C. Dị dưỡng D. Tự dưỡng và dị dưỡng

**24. Đặc điểm nổi bật nhất ở các đại diện ngành Giun dẹp là gì?**

A. Ruột phân nhánh. B. Cơ thể dẹp.

C. Có giác bám. D. Mắt và lông bơi tiêu giảm.

**25.** **Nhóm nào dưới đây toàn là giun dẹp?**

A. sán dây, giun đất và giun đũa. B. giun kim, sán dây và sán lá gan.

C. giun chỉ, sán lông và sán lá gan. D. sán lá gan, sán dây và sán lông.

**26.** **Trùng roi di chuyển như thế nào?**

A. Thẳng tiến B. Xoay tròn C. Vừa tiến vừa xoay D. Cách khác

**27. Loài ruột khoang nào thường sống cố định không di chuyển**

A. San hô và hải quỳ B. San hô và sứa

C. Hải quỳ và thủy tức D. Sứa và thủy tức

**28.** **Loài ruột khoang nào có lối sống tự dưỡng**

A. Sứa B. San hô C. Hải quỳ D. Cả ba đáp án trên đều sai

**29. Loài nào có khung xương đá vôi cứng chắc**

A. Hải quỳ B. Sứa C. Thủy tức D. San hô

**30. Giun kim khép kín được vòng đời do thói quen nào ở trẻ em?**

A. Đi chân đất. B. Ngoáy mũi.

C. Cắn móng tay và mút ngón tay. D. Xoắn và giật tóc.

**31.** **Trong các đặc điểm sau, đâu là điểm khác nhau giữa sán lá gan và giun đũa?**

A. Sự phát triển của các cơ quan cảm giác. B. Đời sống.

C. Tiết diện ngang cơ thể. D. Con đường lây nhiễm.

**32.** **Tiêu hóa thức ăn ở trùng giày nhờ**

A. Men tiêu hóa B. Dịch tiêu hóa C. Chất tế bào D. Enzim tiêu hóa

**33.** **Trùng kiết lị giống với trùng biến hình ở điểm nào trong số các đặc điểm dưới đây**

A. Sống tự do ngoài thiên nhiên B. Có chân giả

C. Sống kí sinh vật chủ D. Có di chuyển tích cực

**34. Loài ruột khoang nào làm chỉ thị cho tầng địa chất**

A. Hải quỳ B. San hô C. Sứa D. Thủy tức

**35. Trong các nhóm sinh vật sau, nhóm nào đều gồm các sinh vật có đời sống kí sinh?**

A. sán lá gan, sán dây và sán lông. B. sán dây và sán lá gan.

C. sán lông và sán lá gan. D. sán dây và sán lông.

**36.** **Hóa thạch của loài nào là chỉ thị cho các địa tầng có dầu hỏa**

A. Trùng roi B. Trùng biến hình C. Trùng giày D. Trùng lỗ

**37.** **Sứa tự vệ nhờ**

A. Di chuyển bằng cách co bóp dù B. Thân sứa có hình bán cầu, trong suốt

C. Xúc tu có nọc để làm tê liệt con mồi D. Không có khả năng tự vệ.

**38. Nhóm động vật nguyên sinh sống kí sinh là**

A. Trùng roi, trùng biến hình B. Trùng biến hình, trùng giày

C. Trùng sốt rét, trùng biến hình D. Trùng kiết lị, trùng sốt rét

**39.** **Nhóm động vật nguyên sinh nào sau đây sống tự do**

A. Trùng giày, trùng biến hình, trùng roi B. Trùng roi, trùng kiết lị, trùng giày

C. Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng kiết lị D. Trùng giày, trùng sốt rét, trùng kiết lị

**40.** **Trùng kiết lị lây nhiễm vào cơ thể người qua con đường**

A. Qua đường hô hấp B. Qua đường tiêu hóa

C. Qua đường máu D. Cách khác

**-------------------- HẾT--------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT BÌNH TÂN  **TRƯỜNG THCS TÂN THÀNH** | **ĐÁP ÁN KIỂM TRA THỬ HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC: 2021 - 2022**  **MÔN: SINH HỌC 7** |

**Đúng mỗi câu 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đ.A | B | D | D | C | B | D | B | A | A | B | C | D | D | B | B | C | D | A | C | C |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| Đ.A | B | C | A | B | D | C | A | D | D | C | C | D | B | B | B | D | C | D | B | B |